

Số: 96/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 77/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Xuân T, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Số E kiệt C đường P, phường K, thành phố H.

- Bà Đặng Thị Hồng T1, sinh năm 1971.

Nơi thường trú: Số E kiệt C đường P, phường K, thành phố H.

Nơi ở hiện nay: Số B đường V, phường K, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H) vào ngày 04/01/1991 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn; Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 công nhận vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 25/12/1990, Lê Xuân Tiến Đ, sinh ngày 16/04/1993 và Lê Xuân Thủy T2, sinh ngày 22/9/2001. Hiện nay 03 người con chung đều đã thành niên nên ông T và bà T1 không yêu cầu Tòa

án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Ông T, bà T1 đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 11 tháng 9 năm 2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1.

- Về con chung: Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 công nhận vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 25/12/1990, Lê Xuân Tiến Đ, sinh ngày 16/04/1993 và Lê Xuân Thủy T2, sinh ngày 22/9/2001. Hiện nay 03 người con chung đều đã thành niên nên ông T và bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Xuân T và bà Đặng Thị Hồng T1 đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000270 ngày 08/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H, nên được khấu trừ, không phải nộp nữa.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND KV2 - Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường Kim Long, TP Huế;
(ĐKKH số 386 ngày 04/01/1991);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú